

Bản án số: 65/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22-8-2024

“V/v: Kiện ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Cường

Các hội thẩm nhân dân gồm có: Ông Võ Ánh Sứ và ông Vũ Xuân Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo: Không tham gia phiên tòa

Ngày 22 tháng 8 năm 2024 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2024/TLST-HN&GD, ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc “Kiện ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bàn Sinh V, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn K, xã K, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Bà Triệu Thị M, sinh năm 1999. Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Đề nghị xét xử vắng mặt

Nơi thường trú: Thôn K, xã K, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Bàn Sinh V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà M chung sống với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. C sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tôi bà M bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung, hiện chúng tôi đã sống ly thân đã lâu. Mâu thuẫn giữa tôi và bà M không hàn gắn được, tôi không còn tình cảm với bà M, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà M.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chúng tôi chưa có con chung

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản tự khai của bà Triệu Thị M trình bày:

Tôi và ông **V** chung sống với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn. **C** sống được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông **V** bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Hiện tôi không còn tình cảm với ông **V** nên tôi đồng ý ly hôn với ông **V**.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chúng tôi chưa có con chung.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Ông **Bàn Sinh V** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà **Triệu Thị M** có địa chỉ tại **thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ông **V** và bị đơn bà **M** có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **V** và bà **M** chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã K, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh** trên cơ sở tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ đối với ông **V** và bà **M**.

Quá trình giải quyết vụ án ông **V** và bà **M** đều thừa nhận trong quá trình chung sống giữa ông **V** và bà **M** thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người không hợp nhau, không có tiếng nói chung. Hiện ông **V** và bà **M** đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không có liên lạc qua lại nữa. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa ông **V** và bà **M** đã kéo dài, trầm trọng, giữa hai người không còn thương yêu, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau. Vì vậy, việc ông **V** yêu cầu ly hôn với bà **M** là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông **V** và bà **M** chưa có con chung nên không đề cập, xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Bàn Sinh V**. Ông **Bàn Sinh V** được ly hôn với bà **Triệu Thị M**.

1. Về con chung: Ông **V** và bà **M** chưa có con chung nên không đề cập, xem xét.

2. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập, xem xét.

3. Về án phí: Ông **Bàn Sinh V** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện Ea H'Leo theo Biên lai số AA/2023/0002071, ngày 13/5/2024.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Thi hành án huyện Ea H'Leo;
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã Kỳ Thượng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (Số 09/2017)
- Lưu hồ sơ, VT.

Đỗ Xuân Cường